

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 8 - 2021

“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Huy

2. Ông Võ Xuân Toàn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Diện, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/8/2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLS-HNGĐ ngày 04/3/2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 20/7/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Chòm 1, thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 4 T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 01/3/2021, được bổ sung tại bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn H chung sống với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07/10/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu về nhà quậy phá, đánh đập và đe dọa chị L. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay mà không ai quan tâm đến ai. Chị L xác định không thể tiếp tục chung sống với anh H, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu Tòa án giải quyết

cho chị được ly hôn anh Lê Văn H. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 14/9/2012; Lê Anh T, sinh ngày 30/10/2015 và Lê Ngọc Th, sinh ngày 06/4/2018. Nguyên vọng của chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 14/9/2012; giao Lê Anh T, sinh ngày 30/10/2015 và Lê Ngọc Th, sinh ngày 06/4/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, chị L trình bày bổ sung: Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Ngọc Th cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Đối với bị đơn Lê Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến anh H hợp lệ nhưng anh H đều vắng mặt; do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 5 năm 2021, anh Lê Văn H trình bày các văn bản tố tụng do Tòa án gửi theo dịch vụ bưu chính viễn thông anh đều nhận được, nhưng vì lý do cá nhân, anh không đến Tòa án theo giấy triệu tập và theo thông báo của Tòa án. Về nội dung vụ án, anh Lê Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, nếu chị Phạm Thị L kiên quyết ly hôn thì anh H cũng chấp nhận ly hôn; về quan hệ con cái, vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 14/9/2012; Lê Anh T, sinh ngày 30/10/2015 và Lê Ngọc Th, sinh ngày 06/4/2018. Nguyên vọng của anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 30/10/2015 và Lê Ngọc Th, sinh ngày 06/4/2018; giao con chung Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 14/9/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ khả năng và điều kiện nuôi con; về tài sản chung và nợ chung, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Tại bản tự khai đề ngày 11/5/2021, cháu Lê Thị Yến Nhi trình bày: Nếu ba, mẹ cháu ly hôn thì nguyên vọng của cháu xin được ở cùng với mẹ là Phạm Thị Ly.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lê Văn H; giao cho chị Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 14/9/2012; giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Anh T, sinh ngày 30/10/2015 và Lê Ngọc Th, sinh ngày 06/4/2018; chị L cấp dưỡng nuôi con chung Lê Ngọc Th cùng anh H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Lê Thuỷ đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn, anh Lê Văn H vắng mặt; do đó vụ án không tiến hành hoà giải được. Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà ngày 20/7/2021, nhưng bị đơn anh Lê Văn H vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai, bị đơn anh Lê Văn H vẫn vắng mặt, mặc dù Toà án đã thực hiện tổng đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ, con; dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; xét chị L xin ly hôn anh H vì mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài; anh Hùng cũng đồng ý ly hôn với chị L nếu chị L kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lê Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng của chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 14/9/2012; giao Lê Anh T, sinh ngày 30/10/2015, Lê Ngọc Th, sinh ngày 06/4/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Ngọc Th cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) là phù hợp với điều kiện thực tế vì anh H trực tiếp nuôi 02 con chung của vợ chồng, cần được chấp nhận; nguyện vọng của anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 30/10/2015 và Lê Ngọc Th, sinh ngày 06/4/2018; giao con chung là Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 14/9/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh H không yêu cầu chị Ly cấp dưỡng nuôi con nhưng để đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung của anh H và chị Ly, cần chấp nhận nguyện vọng của chị L về cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai đề ngày 11/5/2021, nguyện vọng của cháu Lê Thị Yến Nh cũng xin được ở cùng mẹ là chị Phạm Thị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 14/9/2012; giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Anh T, sinh ngày 30/10/2015 và Lê Ngọc Th, sinh ngày 06/4/2018; chị L cấp dưỡng nuôi con Lê Ngọc

Th cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Lê Ngọc Th cũng như phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn H không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lê Văn H.

2/ Về quan hệ con cái: Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 14/9/2012; giao cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Anh T, sinh ngày 30/10/2015 và Lê Ngọc Th, sinh ngày 06/4/2018; chị Phạm Thị L cấp dưỡng nuôi con Lê Ngọc Th cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu Lê Ngọc Th đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lê Thủy theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2020/0001200 ngày 03 tháng 3 năm 2021. Chị Phạm Thị L còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lê Thủy.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/8/2021); bị đơn vắng mặt tại phiên toà

có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú và trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBND xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch (Số giấy CNKH: 90, ngày 07/10/2013);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

